TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Dũ.

2. Bà Dương Thị Quyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Định - Kiểm sát viên.

Ngày 21-7-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn Q, sinh năm 1978.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo lời trình bày của anh Trịnh Văn Q: Vào năm 2004, anh Q và chị N tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hộ Cơ. Trong quan hệ hôn nhân có 02 con tên là Trịnh Lê Thoại Khang, sinh

ngày 06-3-2007 và Trịnh Lê Mỹ Khang, sinh ngày 07-4-2011 (hiện cháu Thoại Khang đang sống chung với anh Q còn cháu Mỹ Khang đang sống với chị N).

Từ ngày sống chung với nhau thì có hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm đã bị rạn nức không thể hàn gắn lại được có sống chung cũng không còn hạnh phúc.

Vì vậy, nay anh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp giải quyết những vấn đề sau đối với chị N:

- Về hôn nhân: Anh Trịnh Văn Q yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị N.

- Về con chung: Anh Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Trịnh Lê Thoại Khang, sinh ngày 06-3-2007, anh Q không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con. Còn con chung tên là Trịnh Lê Mỹ Khang, sinh ngày 07-4-2011 thì anh Q đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh Q tự nguyện cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng bằng ½ mức lương cơ sở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo lời trình bày của bị đơn chị Lê Thị N: Thống nhất theo lời trình bày của anh Q, vào năm 2004 chị N và anh Q tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hộ Cơ. Trong quan hệ hôn nhân có 02 con tên là Trịnh Lê Thoại Khang, sinh ngày 06-3-2007 và Trịnh Lê Mỹ Khang, sinh ngày 07-4-2011 (hiện cháu Thoại Khang đang sống chung với anh Q còn cháu Mỹ Khang đang sống với chị N).

Từ ngày sống chung thì vợ chồng hạnh phúc nhưng cũng có mâu thuẫn là anh Q thường xuyên rượu chè về đánh đập chị N, nhiều lần chị N yêu cầu Công an xã Tân Hộ Cơ và Đảng ủy Trung tâm y tế huyện Tân Hồng giải quyết (vì anh Q công tác tại Trung tâm y tế huyện Tân Hồng) nhưng anh Q vẫn không sửa đổi, nghĩ về tình cảm vợ chồng và các con nên chị N muốn hàng gắn tình cảm nên không muốn ly hôn với anh Q, nếu Tòa án giải quyết cho anh Q và chị N ly hôn thì tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị N yêu cầu như sau:

- Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. Chị N yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung tên là Trịnh Lê Mỹ Khang, sinh ngày 07-4-2011 với mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng. Còn đối với con chung tên là Trịnh Lê Thoại Khang, sinh ngày 06-3-2007, chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên là Trịnh Lê Thoại Khang cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng. Còn con chung tên là Trịnh Lê Mỹ Khang giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Đề nghị chấp nhận mức cấp dưỡng ½ mức lương cơ sở/tháng cho nuôi con chung tên là Trịnh Lê Mỹ Khang sinh ngày 07-4-2011.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2004, anh Q và chị N có tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, hôn nhân giữa anh Q và chị N là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nhận thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, tại phiên tòa sơ thẩm chị N khai là anh Q thường xuyên rượu chè, đánh đập chị N đã được Công an xã Tân Hộ Cơ và Đảng ủy Trung tâm y tế huyện Tân Hồng giải quyết và chị N, anh Q đã ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Đồng thời ngày 20-5-2020, anh Q có đơn xin xác nhận tình cảm giữa anh và chị N như sau: *" … từ ngày sống chung thì có hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm vợ tôi và vợ đã ly thân từ năm 2019 đến nay"* được Ủy ban nhân dân xã Tân Hộ Cơ xác nhận.

Nên xét thấy, hôn nhân giữa anh Q và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, có sống chung cũng không hạnh phúc, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Q và chị N có 02 con chung tên là Trịnh Lê Thoại Khang, sinh ngày 06-3-2007 và Trịnh Lê Mỹ Khang, sinh ngày 07-4-2011 (hiện cháu Thoại Khang đang sống chung với anh Q còn cháu Mỹ Khang đang sống với chị N).

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Q yêu cầu được nuôi con chung tên Trịnh Lê Thoại Khang, sinh ngày 06-3-2007 và ý kiến của cháu Thoại Khang có nguyện vọng sống chung với anh Q. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nghĩ nên giao cho anh Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Còn đối với con chung tên là Trịnh Lê Mỹ Khang, sinh ngày 07-4-2011 anh Q đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời chị N có ý kiến được nuôi cháu Mỹ Khang và theo nguyện vọng của cháu Mỹ Khang được sống chung với chị N nghĩ nên giao cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Anh Q và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng anh Q không có yêu cầu cấp dưỡng cho con chung tên là Trịnh Lê Thoại Khang, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Còn đối với con chung tên là Trịnh Lê Mỹ Khang chị N yêu cầu cấp dưỡng với mức cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu, chứng cứ mà anh Q cung cấp thể hiện hiện anh Q làm nghề Bác sĩ lương tháng 5.453.400đồng ngoài ra không thu nhập nào khác, trong khi anh Q phải nuôi con chung tên là Trịnh Lê Thoại Khang mà không yêu cầu chị N cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung bằng ½ mức lương cơ sở là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Q phải chịu 600.000đồng

tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị N không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[1] Về hôn nhân: Anh Trịnh Văn Q và chị Lê Thị N được ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trịnh Văn Q được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trịnh Lê Thoại Khang, sinh ngày 06-3-2007, chị Lê Thị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trịnh Lê Mỹ Khang, sinh ngày 07-4-2011 (Hiện cháu Thoại Khang đang sống chung với anh Q, cháu Mỹ Khang đang sống chung với chị N). Anh Q và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Q không có yêu cầu, chị N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu tên là Trịnh Lê Thoại Khang nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chấp nhận anh Trịnh Văn Q tự nguyện, thống nhất cấp dưỡng cho con chung tên là Trịnh Lê Mỹ Khang, sinh ngày 07-4-2011 với mức cấp dưỡng bằng ½ mức lương cơ sở/tháng kể từ ngày 22-7-2020 cho đến khi cháu Mỹ Khang đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được.

[3] Về tài sản chung: Anh Trịnh Văn Q và chị Lê Thị N tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Anh Trịnh Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000đồng. Nhưng được khấu trừ

vào tiền tạm ứng án phí mà anh Q đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BH/2018. 0008438 ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy, anh Q còn phải nộp thêm 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21-7-2020).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Cư